

THÔNG BÁO
Về việc xác định ngưỡng điểm trúng tuyển (điểm chuẩn)
vào các hình thức xét tuyển trình độ đại học năm 2024

Căn cứ Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Đề án tự chủ tuyển sinh năm 2024 của Nhà trường;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-BGDĐT ngày 19/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề trình độ đại học năm 2024;

Căn cứ Biên bản họp số 458/BB-ĐHPT ngày 17/8/2024 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về việc xác định ngưỡng điểm trúng tuyển (điểm chuẩn) vào các hình thức xét tuyển trình độ đại học năm 2024 của trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-ĐHPT ngày 17/8/2024 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về việc xác định ngưỡng điểm trúng tuyển (điểm chuẩn) vào các hình thức xét tuyển trình độ đại học năm 2024 của trường Đại học Phan Thiết.



Trường Đại học Phan Thiết thông báo ngưỡng điểm trúng tuyển (điểm chuẩn) vào các hình thức xét tuyển trình độ đại học năm 2024 như sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Ngưỡng điểm trúng tuyển (điểm chuẩn)		
				Xét điểm học bạ THPT (Điểm trung bình - ĐTB)	Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024	Xét điểm thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM năm 2024
1	7480201	Công nghệ thông tin	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01)	6.0	15	500
2	7340301	Kế toán	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)	6.0	15	500

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Ngưỡng điểm trúng tuyển (điểm chuẩn)		
				Xét điểm học bạ THPT (Điểm trung bình - ĐTB)	Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024	Xét điểm thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM năm 2024
3	7340101	Quản trị kinh doanh	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)	6.0	15	500
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)	6.0	15	500
5	7810201	Quản trị khách sạn	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00)	6.0	15	500
6	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00)	6.0	15	500
7	7380107	Luật kinh tế	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử (D14) Toán, Tiếng Anh, Giáo dục công dân (D84) Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục công dân (D66)	6.0	15	500
8	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý (D15) Ngữ Văn, Tiếng Anh, Lịch sử (D14) Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục công dân (D66)	6.0	15	500
9	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	6.0	15	500
10	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00)	6.0	15	500

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Ngưỡng điểm trúng tuyển (điểm chuẩn)		
				Xét điểm học bạ THPT (Điểm trung bình - ĐTB)	Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024	Xét điểm thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM năm 2024
11	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Ngữ văn, Vật lý (C01)	6.0	15	500
12	7380101	Luật	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử (D14) Toán, Tiếng Anh, Giáo dục công dân (D84) Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục công dân (D66)	6.0	15	500
13	7520130	Kỹ thuật ô tô	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Vật lý, Sinh học (A02) Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01)	6.0	15	500
14	7520103	Kỹ thuật cơ khí	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Vật lý, Sinh học (A02) Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01)	6.0	15	500
15	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Toán, Vật lý, Hoá học (A00) Toán, Hoá học, Sinh học (B00) Toán, Hoá học, Tiếng Anh (D07) Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	6.5 (học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên)	19	550 (học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên)

Nơi nhận

- HĐT, BGH (để báo cáo);
- HĐTS (để thực hiện);
- Lưu: VT, HĐTS, P.QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



PGS.TS. Võ Khắc Thường